TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 01 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Lý O, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà A, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An

- *Bị đơn:* Ông Trương Minh H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: số nhà B, khóm T1, phường T1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Nơi đang cư trú: số nhà A, khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Lý O trình bày:

Bà O và ông Trương Minh H đăng ký kết hôn ngày 06/3/2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm, sống không hòa hợp, thường xuyên tranh cãi. Bà O nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, yêu cầu ly hôn với ông H.

Con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trương Thị Ngọc N, Trương Thị Kiều N1, cùng sinh ngày 30/7/2017 và Trương Ngọc Minh T, sinh ngày 12/11/2019. Bà O yêu cầu nuôi dưỡng 02 con tên Trương Thị Ngọc N, Trương Thị Kiều N1 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng hai con chung nêu trên, đồng ý giao ông H đang nuôi dưỡng tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trương Ngọc Minh T và bà O không cấp dưỡng Minh T.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Quá trình tiến hành tố tụng, bà O nộp văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt nguyên đơn tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Đối với bị đơn Trương Minh H: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông H gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên hòa giải được do bà O có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và ông H vắng mặt hai lần, không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà O vắng mặt do đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà O là người có quyền khởi kiện ông H tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà O và ông H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V vào ngày 06/3/2017. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn theo nguyên đơn xác định do bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Tại Đơn xin vắng mặt đề ngày 15/11/2022, bà O giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông H.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà O, ông H không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của bà O muốn sống chung cùng ông H. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội

đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O về việc ly hôn ông H.

[3] Về con chung: Tòa án đã tống đạt hợp lệ ông H thông báo về việc thụ lý vụ án trong đó có nội dung bà O yêu cầu nuôi dưỡng 02 con tên Trương Thị Ngọc N, Trương Thị Kiều N1, không yêu cầu ông H cấp dưỡng hai con chung trên; giao ông H nuôi dưỡng con chung Trương Ngọc Minh T và bà O không cấp dưỡng Trương Ngọc Minh T. Ông H không gửi Tòa án văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà O.

Xét thấy, hai cháu Trương Thị Ngọc N, Trương Thị Kiều N1 là chị em song sinh nên bà O nuôi dưỡng cả hai con và ông H hiện nay đã nuôi dưỡng nên tiếp tục nuôi dưỡng Trương Ngọc Minh T là phù hợp và bên không nuôi con không phải cấp dưỡng con đang do bên còn lại nuôi dưỡng vì bà O, ông H không có yêu cầu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về con chung như nêu ở trên.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có.

[4] Án phí: Buộc bà O nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lý O.

- Bà Phạm Thị Lý O và ông Trương Minh H ly hôn với nhau.

- Về con chung: Buộc ông Trương Minh H giao bà Phạm Thị Lý O nuôi dưỡng 02 con chung tên Trương Thị Ngọc N, Trương Thị Kiều N1, cùng sinh ngày 30/7/2017. Ông Trương Minh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng Trương Thị Ngọc N, Trương Thị Kiều N1.

Buộc bà Phạm Thị Lý O giao ông Trương Minh H nuôi dưỡng con chung tên Trương Ngọc Minh T, sinh ngày 12/11/2019. Bà Phạm Thị Lý O không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng Trương Ngọc Minh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Phạm Thị Lý O nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số No 0001556 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên bà Phạm Thị Lý O không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- UBND phường T, TPVL: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân